

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TUKEN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TUKEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUKEN TECHNICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TUKEN TECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109535243

3. Ngày thành lập: 02/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 49, Tập thể Kho trung tâm, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988464360

Fax:

Email: *nguyenhao031195@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329(Chính)
2.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773

3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn chuyên gia công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 và 42 Nghị định 79/2014/NĐ – CP ngày 31/7/2014) - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 8 điều 1 nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Khoản 9 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. Lập quy hoạch xây dựng. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. d) Quản lý dự án đầu tư xây dựng. đ) Thi công xây dựng công trình. e) Giám sát thi công xây dựng công trình. g) Kiểm định xây dựng. h) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Khoản 20 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	7110
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Quảng cáo	7310
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan: + Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông. + Các tuyến cột, tuyến cống, bệ đỡ kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ. - Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.	4223
9.	Phá dỡ	4311
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

11.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: - Lắp đặt, sửa chữa, tái tạo và điều chỉnh phần máy móc hoặc bộ phận khóa điện, vòm an toàn và bảo vệ. - Kiểm tra hoặc kiểm tra di động của hệ thống đèn điện tử bảo đảm an toàn, như đèn báo trộm.	8020
12.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh	8299
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
18.	Xây dựng công trình điện	4221
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khóa, kết sắt - Bán hệ thống bảo vệ, phần khóa điện tử hoặc máy móc lắp đặt hoặc dịch vụ bảo dưỡng	4759
20.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và công nghệ phòng cháy chữa cháy. - Hoạt động chuyển giao công nghệ phòng cháy chữa cháy. (Theo quy định tại Điều 9 Luật phòng cháy chữa cháy và Chương VI Nghị định số: 79/2014/NĐ)	7490

21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (Trừ hoá chất Nhà nước cấm) ; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Mua bán nhựa, cao su; - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa	4669
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn thiết bị máy công trình; - Bán buôn phụ tùng, phụ kiện các bộ phận phụ trợ khác của ô tô, xe máy và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, - Mua bán các máy gia công chế tạo cơ khí, dụng cụ cơ khí cầm tay, thiết bị hàn cắt, tiện, nguyên vật liệu phục vụ ngành hàn cắt, gia công hàng cơ khí chính xác và các sản phẩm cơ khí khác, các loại vật tư tiêu hao, chi tiết thay thế phục vụ ngành cơ khí, công nghiệp và tiêu dùng; - Mua bán máy móc, thiết bị điện, điện dân dụng, điện tử, điện lạnh, tin học, thiết bị vệ sinh, xử lý môi trường, thiết bị an toàn, thiết bị quan sát, thiết bị thu hình; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn đồ kim sắt, thép	4662

25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, vecni - Bán buôn vật liệu xây dựng; - Bán buôn thiết bị trang trí nội, ngoại thất - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và vec ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Mua bán các loại vải nhám, giấy nhám phục vụ cho việc đánh bóng, cắt may; - Bán buôn thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, đo lường điều khiển, tự động hóa và viễn thông; - Bán buôn trang thiết bị bảo hộ, thiết bị an toàn trong sản xuất;	4649
27.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;	4652
28.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
31.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô	2813
34.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các máy gia công chế tạo cơ khí, dụng cụ cơ khí cầm tay, thiết bị hàn cắt, tiện, nguyên vật liệu phục vụ ngành hàn cắt, gia công hàng cơ khí chính xác và các sản phẩm cơ khí khác, các loại vật tư tiêu hao, chi tiết thay thế phục vụ ngành cơ khí, công nghiệp và tiêu dùng; - Sản xuất và lắp đặt máy móc, thiết bị điện, điện dân dụng, điện tử, điện lạnh, tin học, thiết bị vệ sinh, xử lý môi trường, thiết bị an toàn, thiết bị quan sát, thiết bị thu hình;	3290
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng lắp đặt máy móc thiết bị dân dụng, công nghiệp; Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: sửa chữa ô tô, xe máy;	4542
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HẢO	Xóm 3, Lương Lại, Xã An Phượng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	142699491	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		

2	NGUYỄN THANH BÌNH	Tổ 5 Khu 1, Phường Hà Phong, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	90,000	022087005541
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	90,000	
3	NGUYỄN BÁ KHÁNH	Số 49, Tập thể kho Trung Tâm, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	012935954
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012935954

Ngày cấp: 13/03/2007

Nơi cấp: Công An Thành Phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 49, Tập thể kho Trung Tâm, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 49, Tập thể kho Trung Tâm, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội